TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2021
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Bà Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương A**, sinh năm: 1995;

Nơi ĐKHKTT: Số nhà A, ngõ B, đường L, tổ X, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Thôn Trấn Tây, xã Vũ Chính, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Hà Tuấn A**, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ B, đường L, tổ X, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị Phương A, anh Tuấn A đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương A trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Tuấn A tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh Tuấn A không có công ăn việc làm nên kinh tế vợ chồng không ổn định, thường xuyên xảy ra cãi vã. Đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện, hai bên gia đình tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Đến cuối tháng 7 năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Tuấn A.

Về con chung: Trong giấy khai sinh thể hiện anh Hà Tuấn A và chị Nguyễn Thị Phương A có 01 con chung là Hà Bảo N, sinh ngày 02/10/2019. Đến nay qua kết quả giám định AND xác định cháu N không có quan hệ huyết thống cha con với anh Hà Tuấn A, chị Nguyễn Thị Phương A đề nghị Tòa án xác định anh Hà Tuấn A không phải là cha đẻ của cháu N. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Hà Bảo N, không yêu cầu anh Hà Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về phần tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng anh chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Văn bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án bị đơn, anh Hà Tuấn A trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Phương A trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sự không trung thực của chị Phương A trong quan hệ một vợ một chồng. Đã nhiều lần hai bên gia đình tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Đến cuối tháng 7 năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị Phương A về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn. Về con chung: Anh xác định cháu Hà Bảo N, sinh ngày 02/10/2019 không phải con chung của vợ chồng anh chị, đề nghị Tòa án xác định giữa anh và chị Phương A không có con chung. Về phần tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung vợ chồng anh chị không cho ai vay chung tài sản gì và không vay chung tài sản gì của ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản kết luận giám định ADN ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Công ty cổ phần công nghệ Gen ứng dụng Việt Nam: Kết luận Hà Tuấn A không có quan hệ huyết thống Cha - Con với Hà Bảo N sinh ngày 02/10/2019.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 162, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phương A được ly hôn anh Tuấn A. Anh Hà Tuấn A và chị Nguyễn Thị Phương A không có con chung. Xác định anh Hà Tuấn A không phải là cha đẻ của cháu Hà Bảo N. Giao cho chị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Bảo N. Về quan hệ tài sản: không xem xét giải quyết. Án phí: Chị Phương A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phương A và anh Tuấn A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có hòa giải cho anh chị nhưng cũng không đoàn tụ được. Xét thấy hôn nhân giữa chị Phương A và anh Tuấn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phương A, cho chị Phương A được ly hôn anh Tuấn A.

[3.2] Về quan hệ con cái: Căn cứ vào kết luận giám định ADN ngày 02 tháng 4 năm 2021của Công ty cổ phần công nghệ Gen ứng dụng Việt Nam xác định anh Hà Tuấn A không phải là cha đẻ của cháu Hà Bảo N, sinh ngày 02/10/2019. Giao cháu Hà Bảo N cho chị Phương A nuôi dưỡng. Anh Hà Tuấn A và chị Nguyễn Thị Phương A không có con chung;

[3.3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết

[4] Về chi phí giám định: Anh Hà Tuấn A đã nộp tạm ứng chi phí số tiền là 3.000.000đ. Áp dụng khoản 4 Điều 161, Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc chị Nguyễn Thị Phương A hoàn trả tiền chi phí giám định cho anh Hà Tuấn A số tiền là 3.000.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Phương A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 162, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương A được ly hôn anh Hà Tuấn A.

[2]. Về quan hệ con cái: Anh Hà Tuấn A và chị Nguyễn Thị Phương A không có con chung. Xác định anh Hà Tuấn A không phải là cha đẻ của cháu Hà Bảo N, sinh ngày 02/10/2019. Giao cháu Hà Bảo N cho chị Nguyễn Thị Phương A trực tiếp nuôi dưỡng.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về chi phí giám định: Buộc chị Nguyễn Thị Phương A hoàn trả cho anh Hà Tuấn A số tiền chi phí giám định là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000054 ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Nguyễn Thị Phương A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Hà Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân phường K, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 67 ngày 02/10/2016)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương